

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO
Kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 936/TCLN-KHTC ngày 23/6/2022 của Tổng cục Lâm nghiệp về xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2023. Ngày 27/6/2022, Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản số 1612/SNN-KL gửi Ban Dân tộc, các công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Sông Kôn, Hà Thanh, Trung tâm Khuyến nông, Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng các huyện, thị xã đề nghị xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2023. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Chi cục Kiểm lâm đã tổng hợp và xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2023 với các nội dung như sau:

Phần I

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỉnh Bình Định thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 607.151,71 ha; trong đó diện tích rừng và đất lâm nghiệp thuộc 3 loại rừng là 379.713,09 ha, diện tích có rừng và đất mới trồng rừng chưa thành rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng là 36.409,96 ha, diện tích không có rừng (đất lúa, thổ cư, đất công nghiệp...) 191.028,65 ha. Độ che phủ của rừng năm 2021 là 56,51% (*Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Bình Định năm 2021*). Công tác bảo vệ, phát triển rừng được Đảng, Nhà nước và các cấp, ngành từ tỉnh đến cơ sở quan tâm chỉ đạo; các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng đã được ban hành kịp thời, khá đầy đủ làm cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp. Lực lượng kiểm lâm và các đơn vị chủ rừng đã chủ động triển khai nhiệm vụ và có nhiều giải pháp thiết thực nên công tác bảo vệ và phát triển rừng từ đầu năm 2022 đến nay được thực hiện tương đối tốt.

Phần II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT QUY HOẠCH CHO PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT

1. Hiện trạng đất quy hoạch cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

Theo kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Bình Định năm 2021 được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 07/3/2022; Diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất tỉnh Bình Định là 37.183,82 ha; trong đó: Đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng đặc dụng là 5.084,54 ha; đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ là 16.341,47 ha; đất chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất là 15.757,81 ha.

2. Hiện trạng rừng

Diện tích đất có rừng tỉnh Bình Định 343.095,0 ha, gồm: Rừng tự nhiên 214.584,11 ha, rừng trồng 128.510,89 ha; trong đó diện tích có rừng thuộc quy hoạch 3 loại rừng 313.311,51 ha (rừng tự nhiên 214.302,26 ha; rừng trồng 99.099,25 ha), diện tích có rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng 29.783,49 ha (rừng tự nhiên 281,85 ha; rừng trồng 29.501,64 ha); Độ che phủ của rừng năm 2021 là 56,51%; trong đó: Độ che phủ của rừng trong quy hoạch 3 loại rừng 51,6%, độ che phủ của rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng 4,91%.

3. Các nguồn lực hiện có: Vốn, lao động

a) Về vốn:

Nguồn vốn để thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2022 gồm có:

- Nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng: Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ; nguồn vốn ngân sách địa phương; vốn vay; vốn dịch vụ môi trường rừng.

- Nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng sản xuất: Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ; vốn vay tín dụng; vốn thu được từ khai thác rừng trồng; vốn tự có của các công ty, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đầu tư trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng; vốn trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; vốn hưởng lợi từ khai thác rừng trồng phòng hộ.

b) Về lao động:

- Lực lượng lao động làm lâm nghiệp tại địa phương khá dồi dào, người dân cần cù lao động; tuy nhiên tại địa bàn các xã miền núi chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống còn khó khăn, chưa có kinh nghiệm trong sản xuất, chưa được tiếp cận nhiều với các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất.

- Lao động sản xuất nông, lâm nghiệp mang tính chất đặc thù riêng biệt là mùa vụ, vì vậy không có việc làm thường xuyên cho người lao động, do đó không tạo được nguồn lao động thường xuyên mà chủ yếu là tận dụng nguồn lao động những tháng nông nhàn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai các cơ chế chính sách tại địa phương

a) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai các cơ chế chính sách tại địa phương:

UBND tỉnh đã chỉ đạo các ban, ngành của tỉnh xây dựng các Chương trình phát triển lâm nghiệp theo chỉ đạo của Trung ương theo các văn bản: Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các ban, ngành, địa phương, đơn vị xây dựng Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 5004/BNN-TCLN 09/8/2021 về việc triển khai xây dựng báo cáo khả thi Chương trình phát triển lâm nghiệp.

- Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo chỉ đạo của Tổng cục Lâm nghiệp tại văn bản số 764/TCLN-KHTC ngày 11/6/2021 về việc rà soát, cung cấp thông tin xây dựng Tiểu dự án “Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật:

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật; Chi cục Kiểm lâm đã tham mưu các cấp thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, cụ thể:

- UBND tỉnh ban hành văn bản số 2975/UBND-KT ngày 01/6/2022 về việc tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

- Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản số 1427/SNN-KL ngày 13/6/2022 về việc tăng cường ngăn chặn, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng và khai thác rừng trái pháp luật.

- Chi cục Kiểm lâm ban hành văn bản số 700/CCKL-QLBT ngày 10/6/2022 về việc tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn, xử lý tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, các hạt kiểm lâm đã tham mưu UBND huyện/thị xã/thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn triển khai quyết liệt trên địa bàn quản lý công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

2. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững

* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ về bảo vệ và phát triển rừng 6 tháng đầu năm 2022; ước thực hiện kế hoạch năm 2022, cụ thể:

a) Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

- Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng 6 tháng đầu năm 2022 được thực hiện tương đối tốt, từ đầu năm đến nay các hạt kiểm lâm đã phối hợp với các ngành chức năng và chủ rừng tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng và chốt chặn bảo vệ rừng tại các địa bàn trọng yếu; tổ chức 1.359 đợt tuần tra, truy quét bảo vệ rừng và phá bỏ 1.850 kg than, 55 lò than hầm đang hoạt động trái phép và 40 bẫy động vật rừng. Các đơn vị, chủ rừng triển khai các biện pháp PCCCR ở cơ sở; thường xuyên theo dõi cấp dự báo cháy rừng, tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng, nhất là những vùng trọng điểm, nguy cơ cháy rừng cao, ... Từ đầu năm đến nay, không xảy ra cháy rừng. So với cùng kỳ năm 2021, số vụ cháy rừng giảm 01 vụ. Các hạt kiểm lâm đã tổ chức 760 lượt tuyên truyền qua Đài Truyền thanh cấp xã và phối hợp với các ban, mặt trận và hội đoàn thể ở địa phương tổ chức 104 đợt tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR, có 7.174 lượt người tham dự, 661 hộ gia đình ký cam kết bảo vệ rừng. Các chủ rừng đã tổ chức lực lượng bảo vệ rừng phối hợp cùng các hộ gia đình, cộng đồng địa phương đã nhận khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên từ năm 2021 bảo vệ tốt 121.546,5 ha rừng và 377,8 ha đất lâm nghiệp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đã giao khoán từ năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022. Trong đó diện tích rừng thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 43.279,65 ha; ước năm 2022 diện tích bảo vệ rừng 43.279,65 ha; Tiểu Dự án 1, Dự án 3: 73.023,61 ha; khoán bảo vệ rừng khác: 5.243,20 ha. Cụ thể diện tích bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững như sau:

- Diện tích bảo vệ rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp: 20.048,68 ha.

- Diện tích rừng khoán bảo vệ, khoán khoanh nuôi Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 43.279,65 ha.

- Về kinh phí khoán bảo vệ rừng năm 2022 đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ: 19.901,508 triệu đồng; trong đó:

+ Kinh phí bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp: 6.014,604 triệu đồng.

+ Kinh phí khoán bảo vệ rừng, khoán khoanh nuôi tái sinh rừng thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 13.886,904 triệu đồng.

Hiện nay ngân sách Trung ương chưa bố trí nguồn vốn cho tỉnh để thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Về kinh phí khoán bảo vệ rừng năm 2022 ngân sách Tỉnh: 57,660 triệu đồng.

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng

+ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 04 khu rừng đặc dụng, cụ thể: Khu Bảo tồn thiên nhiên An Toàn, huyện An Lão: 22.682,09 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa cảnh quan Núi Bà, huyện Phù Cát: 8.308,39 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Vườn Cam - Nguyễn Huệ, huyện Vĩnh Thạnh: 209,82 ha; Khu rừng lịch sử cảnh quan Quy Hòa - Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn: 1.639,35 ha.

+ Đến năm 2022, chủ quản lý các khu rừng đặc dụng, cụ thể như sau: Khu Bảo tồn thiên nhiên An Toàn, huyện An Lão do Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn quản lý với diện tích: 22.682,09 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa cảnh quan Núi Bà, huyện Phù Cát được quản lý bởi các đơn vị sau: Ban Quản lý rừng phòng hộ Phù Cát: 3.135,93 ha và UBND cấp xã và hộ gia đình, cá nhân: 5.172,46 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Vườn Cam - Nguyễn Huệ, huyện Vĩnh Thạnh được quản lý bởi các đơn vị sau: Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh: 114,46 ha và UBND xã Vĩnh Sơn và hộ gia đình, cá nhân: 95,36 ha; Khu rừng lịch sử cảnh quan Quy Hòa - Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn được quản lý bởi các đơn vị sau: Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn: 1.436,33 ha và UBND phường Ghềnh Ráng, tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân: 203,02 ha.

+ Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Luật Đa dạng sinh học năm 2008, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh và các quy định có liên quan, trong thời gian qua Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng và bảo tồn đa dạng sinh học rừng, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng và bảo tồn đa dạng sinh học rừng trên địa bàn tỉnh.

b) Phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: Kế hoạch năm 2022, trồng rừng tập trung 8.000 ha (trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng 160 ha; trồng rừng sản xuất 7.840 ha). Đến nay, đã trồng được 334,88 ha của hộ gia đình. Những năm gần đây tỉnh đã có chủ trương xây dựng, phát triển trồng rừng phòng hộ hỗn loài trên quy mô rộng, nhiều loài cây bản địa như Sao đen, Lim xanh đã được đưa vào trồng rừng nâng cao hiệu quả phòng hộ, góp phần, phục hồi hệ sinh thái rừng, bảo vệ đa dạng sinh học. Đối với trồng rừng sản xuất chủ yếu là trồng lại rừng sau khai thác, rừng sản xuất được đầu tư theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, công tác chọn lựa chọn giống cây trồng chất lượng cao ngày càng được chú trọng. Khuyến khích phát triển trồng rừng gỗ lớn. Đến nay toàn tỉnh đã trồng được là 3.175 ha cây rừng trồng cây gỗ lớn, kế hoạch năm 2022 trồng 1.507 ha cây rừng trồng cây gỗ lớn.

- Năng suất rừng trồng bình quân khi khai thác chính khoảng 90 tấn/ha.

- Tỷ lệ cây giống được kiểm soát: Cây giống được kiểm soát 100% về loại hình nguồn giống vườn cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng được Hội đồng Thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp tổ chức thẩm định hồ sơ, hiện trường vườn cây đầu dòng đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp của các đơn vị sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và tham mưu cho Chi cục Kiểm lâm về việc công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp các đơn vị sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp.

- Trồng cây phân tán; đề án trồng 1 tỷ cây xanh: Kế hoạch năm 2022 trồng cây phân tán 945 nghìn cây.

- Sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng: Đã khai thác được 1.403,076 ha, sản lượng gỗ khai thác 133.607,86 tấn (tổ chức: 511,02 ha; hộ gia đình: 892,056 ha).

- Về Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên: Trong 6 tháng đầu năm 2022, các đơn vị trên địa bàn tỉnh tiếp tục tổ chức bảo vệ tốt diện tích diện tích 377,8 ha.

c) Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng

- Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững:

+ Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 03 công ty TNHH lâm nghiệp và 03 Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng đã được UBND tỉnh phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT.

+ 01 Ban Quản lý rừng phòng hộ đã xây dựng xong phương án, đã được Chi cục Kiểm lâm đã phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, hiện nay, Ban Quản lý rừng phòng hộ đang phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện Phương án.

+ 01 Ban Quản lý rừng phòng hộ đang phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai lập phương án.

+ 06 ban quản lý rừng phòng hộ còn lại đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ nhưng UBND huyện chưa phê duyệt kinh phí nên chưa triển khai thực hiện.

- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đối với rừng sản xuất là rừng trồng: Trên địa bàn tỉnh có 16.717,0 ha diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC; trong đó: Diện tích rừng trồng của Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn (*Doanh nghiệp Nhật Bản 9.752,88 ha*); Diện tích rừng của các Công ty TNHH lâm nghiệp là 6.964,22 ha (*Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn: 4.183,67 ha, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh: 2.780,55 ha*). Hiện nay, một số chủ rừng là tổ chức và một số doanh nghiệp chế biến gỗ đang phối hợp với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân lập thủ tục cấp chứng chỉ rừng đối với diện tích rừng trồng.

d) Nhiệm vụ khác: Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ triển khai Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp; các đề án, dự án liên quan

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định (*Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 06/6/2022*).

- Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia: UBND tỉnh đã cung cấp thông tin phục vụ lập Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT (văn bản số 64/UBND-KT ngày 06/01/2022).

- Kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp; các đề án, dự án liên quan: Chi cục Kiểm lâm đã xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp thuộc lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Định báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT và được Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp chung trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT và tham mưu UBND ban hành Quyết định Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 (*Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 15/11/2021*).

2. Tình hình huy động, phân bổ kinh phí

Năm 2022, kinh phí ngân sách Trung ương chưa phân bổ cho tỉnh Bình Định. Nhu cầu kinh phí năm 2022 là 19.901,508 triệu đồng; trong đó: Kinh phí đầu tư phát triển: 1.324,423 triệu đồng; Kinh phí khoán bảo vệ rừng, khoán khoán nuôi tái sinh rừng thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 13.886,904 triệu đồng; kinh phí bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất của các công ty lâm nghiệp là: 6.014,604 triệu đồng.

- Chi trả dịch vụ môi trường rừng: Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thường xuyên đã từng bước góp phần làm thay đổi nhận thức, ý thức của người dân, tác động tích cực đến công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trên những lưu vực cung ứng DVMTR và được chi trả tiền DVMTR. Những khu rừng cung ứng DVMTR giao khoán cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư bảo vệ chưa phát hiện tình trạng phá rừng hoặc cháy rừng. Ý thức trách nhiệm trong bảo vệ rừng của người dân, cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số được nâng cao. Nguồn thu từ DVMTR đã góp phần cải thiện cuộc sống của một bộ phận người dân, nâng cao hiệu quả việc bảo vệ rừng. Đối với đơn vị là tổ chức, nguồn kinh phí thu được từ DVMTR là nguồn tài chính đáng kể cho việc tăng cường lao động tuần tra bảo vệ phát triển rừng.

+ Kế hoạch thu DVMTR năm 2022 là 10.550.000.000 đồng; Kế hoạch chi trả DVMTR năm 2022: 7.782.916.000 đồng.

+ Kế hoạch thu tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2022 là 21.576.282.387 đồng, Kế hoạch chi tiền trồng rừng thay thế năm 2022 là 7.800.000.000 đồng.

3. Tiểu Dự án 1, Dự án 3

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ

- Khoán bảo vệ rừng: Diện tích 73.023,61 ha đã giao khoán từ năm 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021- 2025.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng: 720,49 ha.

b) Kết quả huy động, phân bổ kinh phí thực hiện Tiểu dự án (nguồn vốn NSTW cấp cho thực hiện Tiểu dự án)

Kinh phí bảo vệ rừng; khoán bảo vệ rừng, khoán khoanh nuôi tái sinh rừng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 31.485,383 triệu đồng; trong đó đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ: 29.425,591 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 2.059,792 triệu đồng. Ngày 28/5/2022, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 653/QĐ-TTg về giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia và Tờ trình số 3320/TTr-BKHĐT ngày 20/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đó kinh phí phân bổ cho tỉnh Bình Định thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 là 29.427 triệu đồng. Hiện nay, Ban Dân tộc đã dự kiến phân bổ kinh phí 29.427 triệu đồng thuộc Chương trình năm 2022 và có văn bản số 463/BDT-CS ngày 14/6/2022 lấy ý kiến của các sở, ngành có liên quan để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh phân bổ kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá

a) Kết quả đạt được

- Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Định, sự quan tâm phối hợp của các cấp, các ngành.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp đã triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng nên đã có sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng, từ đó xác định được việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, lực lượng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng tiếp tục được củng cố, tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, phát triển rừng.

- Diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ ven biển, rừng trồng phòng hộ, đặc dụng môi trường cảnh quan chủ yếu được giao khoán bảo vệ, khoán khoanh nuôi tái sinh cho các hộ, gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn sống ở gần rừng.

Năm 2022, tuy Trung ương chưa phân bổ nguồn kinh phí bảo vệ rừng, khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng cho tỉnh, nhưng với nỗ lực của các chủ rừng và các hộ nhận khoán (*những hộ đã tham gia nhận khoán năm giai đoạn 2016-2020*) đã tích cực thực hiện bảo vệ rừng; do đó công tác bảo vệ rừng được thực hiện tương đối tốt, hạn chế được việc phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ, chặt củi đốt than; đồng thời tạo được mối liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng; hỗ trợ tích cực cho các ngành chức năng trong công tác bảo vệ phát triển rừng.

b) Tồn tại

- Công tác bảo vệ rừng nhìn chung được thực hiện tốt, nhưng rừng tự nhiên vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn do sự tác động ngày càng nhiều vào rừng của con người nhất là nạn phá rừng, khai thác gỗ trái phép; các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học chưa được quan tâm, biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt. Sinh trưởng của rừng đặc biệt là rừng trồng đang bị đe dọa bởi thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài dễ xảy ra cháy rừng; gió bão gây đổ gãy gây thiệt hại cho rừng trồng.

- Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đã bước đầu thu hút sự tham gia của toàn xã hội và đang chuyển hướng theo hướng phát triển lâm nghiệp xã hội, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại, như: Nhận thức của xã hội về vai trò, lợi ích của rừng và nghề rừng còn rất khác nhau; sự tham gia của người dân trong quá trình phát triển lâm nghiệp còn thấp. Vai trò và tác động của rừng và nghề rừng đối với xoá đói giảm nghèo chưa cao.

- Công tác giao rừng, thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, thuê đất lâm nghiệp chưa được triển khai đồng bộ; hiện nay trên địa bàn tỉnh mới có 03 công ty TNHH lâm nghiệp nhà nước, 01 Ban Quản lý rừng đặc dụng và 02 Ban Quản lý rừng phòng hộ có quyết định giao đất, cho thuê đất; còn lại 05 Ban Quản lý rừng phòng hộ chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất. Phần lớn các hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất lâm nghiệp lâu dài, ổn định.

c) Nguyên nhân

- Sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, rủi ro lớn, chủ yếu phụ thuộc vào thời tiết, mùa vụ; hiện trường sản xuất trải rộng, tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn phức tạp, hạ tầng thấp kém đặc biệt là đường giao thông đến các khu rừng; đời sống người dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế. Những hạn chế này ảnh hưởng rất lớn đến công tác bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh.

- Do biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến phức tạp, mùa khô hạn kéo dài dẫn đến nguy cơ xảy ra cháy rừng rất cao.

- Nhu cầu sử dụng đất sản xuất ngày càng lớn do sự gia tăng dân số, tốc độ đô thị hoá, giá gỗ nguyên liệu tăng dẫn đến nguy cơ xâm hại đến rừng tự nhiên là rất lớn, gây khó khăn không nhỏ cho công tác bảo vệ rừng.

- Về lực lượng kiểm lâm hiện chưa đủ biên chế so với diện tích rừng hiện có; các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng đang quản lý diện tích rừng lớn nhưng chưa được bố trí đủ nhân lực chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định hiện hành nên không đủ sức bảo vệ rừng được giao.

d) Những vấn đề đặt ra cần giải quyết

Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng nhằm bảo vệ diện tích rừng hiện có, phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học; hạn chế tối đa các

hoạt động phá rừng, khai thác rừng trái phép; từng bước nâng cao năng suất, chất lượng từng loại rừng.

- Tăng cường công tác giao rừng, thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, thuê đất lâm nghiệp, phát huy tối đa giá trị sử dụng đất lâm nghiệp, giải quyết dứt điểm các vụ việc tranh chấp đất rừng. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường đầu tư các cơ sở chế biến lâm sản có quy mô phù hợp với từng vùng nguyên liệu, tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

- Tiếp tục cải tạo nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng lâm nghiệp; tăng cường ứng dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để rút ngắn chu kỳ kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác trồng rừng. Đồng thời tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giống cây trồng, hạn chế chủ rừng mua phải giống không rõ nguồn gốc, chất lượng giống kém.

Phần III

KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP NĂM 2023

I. BỐI CẢNH, DỰ BÁO

Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm từ 2021 – 2025; giai đoạn 2021 – 2025 tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, trong khi đó kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, trong đó có diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19. Do đó, nhiệm vụ đặt ra trong năm 2023 có nhiều khó khăn.

Để tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn thách thức, việc xây dựng kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2023 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển lâm nghiệp năm 2021, các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong giai đoạn tới tác động, ảnh hưởng đến phát triển lâm nghiệp; từ đó xác định kế hoạch năm 2023 phù hợp với mục tiêu phát triển của kế hoạch 5 năm 2021-2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai, xác định cơ cấu cây trồng hợp lý, nâng cao năng suất và chất lượng rừng bằng nhiều loài cây có giá trị kinh tế, xây dựng được các vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung, quy mô lớn, phát triển rừng trồng theo hướng thâm canh gỗ lớn, phù hợp với từng vùng sinh thái và điều kiện lập địa cụ thể, đáp ứng nhu cầu gỗ nguyên liệu và chế biến lâm sản.

b) Phát triển lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, phát triển kinh tế rừng toàn diện, bền vững, góp

phần xoá đói giảm nghèo, ổn định và từng bước cải thiện, nâng cao đời sống cho người dân, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Bảo vệ và xây dựng ổn định diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, độ che phủ rừng đến năm 2023 đạt trên 57,3%, góp phần cải thiện môi trường, cân bằng sinh thái, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, tạo nguồn sinh thủy và bảo tồn tính đa dạng sinh học;

b) Hình thành các vùng rừng trồng gỗ lớn tập trung, tạo ra nguồn nguyên liệu từ rừng trồng đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp chế biến.

c) Thực hiện lồng ghép chương trình phát triển lâm nghiệp với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần tạo công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo cho người dân trên địa bàn.

III. NHIỆM VỤ

1. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023

a) Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

- Bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2016-2020 nhất là diện tích rừng thuộc 3 loại rừng 313.311,51 ha, gồm: Rừng tự nhiên 214.302,26 ha, rừng trồng 99.099,25 ha. Tiếp tục thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng năm 2023: 64.100 ha; Độ che phủ rừng đến năm 2023 là 57,3%.

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái, đa dạng sinh học rừng luôn nhận được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan và chính quyền địa phương các cấp, nhất là đối với hệ sinh thái rừng tự nhiên.

- Thực hiện Quyết định số 536/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 7440/BNN-TCLN ngày 27/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phối hợp lập Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Bình Định cung cấp thông tin Quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định cho Bộ Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 64/UBND-KT ngày 06/01/2022, theo đó diện tích quy hoạch rừng đặc dụng: 56.105,0 ha, cụ thể: Khu Bảo tồn thiên nhiên An Toàn, huyện An Lão: 22.682,09 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa cảnh quan Núi Bà, huyện Phù Cát: 8.288,39 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Vườn Cam - Nguyễn Huệ, huyện Vĩnh Thạnh: 262,5 ha; Khu rừng lịch sử cảnh quan Quy Hòa - Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn: 1.639,35 ha; Khu rừng đặc dụng trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh: 23.232,69 ha.

- Đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương chuyển loại rừng từ quy hoạch rừng phòng hộ sang quy hoạch rừng đặc dụng đối với 23.232,69 ha rừng tự nhiên phòng hộ trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh. Sau khi Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp thẩm quyền phê duyệt, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện theo đúng quy định.

b) Về phát triển rừng

- Trồng rừng tập trung: 8.000 ha; trong đó trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 305,0 ha; trồng rừng sản xuất 7.695,0 ha.

- Tiếp tục triển khai trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ rừng theo Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2035; kế hoạch năm 2023 trồng và chuyển hóa 2.000 ha rừng trồng cây gỗ lớn.

- Diện tích khoán khoán nuôi rừng: 377,8 ha; trong đó Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023 là 177,8, vốn Khuyến nông hỗ trợ 200,0 ha.

c) Nâng cao năng suất, chất lượng rừng

Năng suất rừng trồng bình quân khi khai thác chính dự kiến khoảng 100 tấn/ha. Dự kiến sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng năm 2023: 800.000 tấn.

d) Quản lý rừng bền vững

- Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững: Tiếp tục xây dựng phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT đối với các Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh.

- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững 2023 dự kiến là: 6.000 ha.

đ) Hoạt động khác: Kế hoạch thu DVMTR năm 2023: 11.000.000.000 đồng; Kế hoạch chi trả DVMTR năm 2023: 8.000.000.000 đồng.

2. Tiểu Dự án 1, Dự án 3

a) Tổng diện tích rừng giao khoán quản lý bảo vệ cho các đối tượng thuộc khu vực III: 74.523,61 ha.

b) Hỗ trợ bảo vệ rừng: 720,49 ha.

IV. NHU CẦU VỐN

1. Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững

a) Tổng dự toán nhu cầu vốn ngân sách nhà nước năm 2023: 52.101,446 triệu đồng; Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển NSTW:	15.017,500 triệu đồng;
+ Vốn đầu tư phát triển NSDP:	12.757,500 triệu đồng;
+ Vốn sự nghiệp NSTW:	21.549,446 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp NSDP: 2.777,000 triệu đồng.

b) Cơ chế huy động vốn

- Ngân sách Trung ương đầu tư, hỗ trợ cho công tác bảo vệ rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ ven biển và rừng trồng phòng hộ, đặc dụng môi trường cảnh quan.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và chế biến lâm sản.

- Tăng cường hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế; thu hút nguồn vốn ODA của các nước, tổ chức phi Chính phủ đầu tư cho bảo vệ, phát triển rừng của tỉnh, khuyến khích các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp.

- Lồng ghép các dự án phát triển lâm nghiệp với các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Sử dụng có hiệu quả tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Tiểu dự án 1, dự án 3

Tổng nhu cầu vốn năm 2023 là 35.202,477 triệu đồng; trong đó vốn ngân sách Trung ương là 30.040,721 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương là 5.161,756 triệu đồng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến công tác bảo vệ và phát triển rừng cho nhân dân nhất là người dân ở các vùng rừng, ven rừng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ và phát triển rừng; tiếp tục thực hiện vận động các hộ gia đình, cộng đồng thôn bản sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng, thay đổi nhận thức tập quán sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn có giá trị kinh tế cao. Xây dựng tin, bài, phóng sự gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong công tác bảo vệ và phát triển rừng để tuyên truyền, nhân rộng trong mọi tầng lớp nhân dân.

2. Về quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp

- Quản lý chặt chẽ, điều chỉnh kịp thời quy hoạch 3 loại rừng cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh; thực hiện xã hội hóa lâm nghiệp cho các năm tiếp theo; giải quyết dứt điểm các vụ việc tranh chấp đất rừng; hạn chế tình trạng xâm canh trồng rừng để người dân và các doanh nghiệp yên tâm đầu tư trồng rừng.

3. Về khoa học, công nghệ và khuyến lâm

a) Tăng cường công tác quản lý giống cây lâm nghiệp theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

b) Đẩy mạnh sản xuất giống bằng công nghệ sinh học đảm bảo cây trồng có năng suất, chất lượng cao. Tăng cường công tác khuyến lâm, chuyển giao tiến bộ kỹ

thuật trồng lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, trồng rừng kinh tế thâm canh chất lượng cao.

c) Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên bằng các biện pháp lâm sinh như cải tạo rừng, khoanh nuôi tái sinh, nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng ...

4. Về hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại

Tăng cường xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường tiêu thụ các loại lâm sản, lâm sản ngoài gỗ. Kêu gọi, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất lâm nghiệp, chế biến lâm sản.

5. Huy động các nguồn vốn

a) Thực hiện đa dạng nguồn vốn để thực hiện Chương trình, tăng cường huy động vốn từ các nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân;

b) Sử dụng có hiệu quả tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh

6. Lòng ghép, phối hợp với các Chương trình khác: Lòng ghép các dự án phát triển lâm nghiệp với các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

7. Quản lý, điều hành thực hiện Chương trình, Tiểu Dự án

a) UBND cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình, Tiểu Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

b) Sở Nông nghiệp và PTNT: Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển ngành lâm nghiệp năm 2023 trên địa bàn.

c) Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp kế hoạch thực hiện Chương trình và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương phân bổ vốn ngân sách thực hiện Chương trình. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát, đánh giá Tiểu dự án 1 trên địa bàn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển ngành lâm nghiệp năm 2023; Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Lâm nghiệp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối và bố trí kế hoạch vốn ngân sách hàng năm đủ và kịp thời để thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình phát triển Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT giải quyết các vấn đề về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp gắn với giao rừng, cho thuê rừng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4. UBND các huyện, thành phố

a) Chịu trách nhiệm về công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, công tác bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT để tổ chức thực hiện Chương trình phát triển ngành lâm nghiệp năm 2022 có liên quan đến ngành, địa phương mình quản lý; tổ chức thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án khác tại địa phương.

VI. KIẾN NGHỊ

1. Với Chính phủ

Đề nghị Chính phủ tăng ngân sách đầu tư có trọng điểm cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ; tăng biên chế cho lực lượng kiểm lâm, đảm bảo năng lực pháp lý thừa hành pháp luật trên địa bàn; tăng suất đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng theo hướng tính đúng tính đủ chi phí theo định mức, nhằm nâng cao chất lượng rừng trồng; tăng mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng bình quân từ 300.000 đồng/ha/năm lên 500.000 đồng/ha/năm.

2. Đối với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài Chính

a) Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT: Hỗ trợ đầu tư các cơ sở sản xuất giống, nguồn giống chất lượng cao; Hỗ trợ tăng cường công tác xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm lâm nghiệp; Tăng cường chính sách hỗ trợ khuyến khích các nhà đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp từ khâu sản xuất giống, trồng rừng đến khai thác và tiêu thụ sản phẩm.

b) Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ kinh phí cho chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Tiểu dự án 1, Dự án 3 kinh phí còn thiếu năm 2021 và năm 2022 là: 63.907,979 triệu đồng; cụ thể như sau:

- Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững (kinh phí còn thiếu năm 2021 và năm 2022): 34.482,388 triệu đồng; trong đó:

+ Năm 2021: 13.256,457 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Năm 2022: 21.225,931 triệu đồng; trong đó: vốn sự nghiệp là 19.901,508 triệu đồng; vốn đầu tư phát triển là 1.324,423 triệu đồng.

- Tiểu dự án 1, dự án 3: Vốn thiếu năm 2021: 29,425,591 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét và có văn bản báo cáo Tổng cục Lâm nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Lê Đức Sáu